

MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC BIỂU HIỆN THÍCH ỨNG CỦA TRẺ 5-6 TUỔI TRONG NHỮNG HOẠT ĐỘNG CHUẨN BỊ ĐẾN TRƯỜNG PHỔ THÔNG

ThS. VŨ THỊ KIỀU TRANG*

Abstract *There are some correlations in adaptive expressions of 5-6-year-old children in preparing activities to enroll primary school, in which, “Language”-“Awareness” is the most important and “Language”-“Physical” is the least. Solutions are proposed to help preschoolers easier to adapt a new learning environment.*

Keywords: *Correlation, expression, adaption, activities, primary school.*

Ngày nhận: 12/02/2016; ngày sửa chữa: 16/02/2016; ngày duyệt đăng: 28/02/2016.

1. Thích ứng là một trong những điều kiện cần thiết để con người tham gia vào đời sống xã hội đầy biến động một cách có hiệu quả nhất. Đối với trẻ 5-6 tuổi, vì còn non nớt, yếu đuối về thể chất và tinh thần nên các em dễ dàng gặp phải những khó khăn, trở ngại, những nguy hiểm trong cuộc sống. Do đó, giúp trẻ có được sự thích ứng về tâm lý trước những tình huống, điều kiện mới lạ của cuộc sống để vượt qua những khó khăn, trở ngại là điều rất quan trọng.

Đối với trẻ 5-6 tuổi, bước ngoặt quan trọng nhất của cuộc đời các em là việc chuyển từ môi trường mầm non sang tiểu học, bắt đầu một hành trình học tập dài lâu và xuyên suốt. Để biết được trẻ có sẵn sàng bước vào môi trường học tập hoàn toàn mới ở trường phổ thông hay không, người lớn cần nhận biết thực trạng mức độ, khả năng thích ứng của trẻ thông qua những biểu hiện tâm lý cụ thể. Đồng thời, cần tìm hiểu những kiến thức tâm - sinh lý của trẻ để hiểu rõ hơn về thực trạng ấy bằng việc phân tích mối tương quan giữa các biểu hiện thích ứng của trẻ, từ đó có cái nhìn khoa học và biện chứng hơn trong việc chuẩn bị cho trẻ 5-6 tuổi vào học lớp 1.

2. Phân tích kết quả nghiên cứu

Bài viết phân tích kết quả nghiên cứu trên 280 khách thể (110 trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi, 110 phụ huynh, 40 giáo viên mầm non và 20 chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục mầm non) thuộc 4 trường mầm non trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là Phúc Thịnh, Ngọc Hội (huyện Chiêm Hoá) và Hoa Sen, Sao Mai (Thành phố Tuyên Quang) năm học 2014-2015.

Phương pháp chính được sử dụng trong nghiên cứu là điều tra bằng bảng hỏi. Bảng hỏi được thiết kế

với chủ yếu là các câu hỏi có sẵn phương án trả lời, thang đánh giá có 4 mức độ (từ 1-4 điểm). Phần mềm SPSS 20.0 được sử dụng để xử lý kết quả nghiên cứu. Ngoài ra, chúng tôi kết hợp sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp quan sát, phỏng vấn sâu. Kết quả cho thấy:

2.1. Các biểu hiện thích ứng của trẻ

2.1.1. Biểu hiện ở sự phát triển thể chất:

- *Khả năng vận động:* + Vận động thô: thể hiện sự kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn; thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể; sự phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi vận động; + Vận động tinh: thể hiện khả năng kiểm soát và phối hợp vận động ở các nhóm cơ nhỏ; sự khéo léo của đôi bàn tay, các ngón tay.

- *Sự hiểu biết về sức khỏe:* Trẻ có hiểu biết, thực hành vệ sinh cá nhân và dinh dưỡng; hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân.

- *Sự phát triển nhận thức:* + Hoạt động khám phá môi trường tự nhiên: thể hiện một số hiểu biết về động, thực vật theo đặc điểm chung; nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của chúng; hiểu biết về những hiện tượng tự nhiên; + Hoạt động khám phá môi trường xã hội và hoạt động nghệ thuật: thể hiện sự hiểu biết về những địa điểm công cộng nơi sinh sống; về một số nghề nghiệp phổ biến trong xã hội; biết thể hiện khả năng trong hoạt động âm nhạc và tạo hình; + Hoạt động làm quen với biểu tượng ban đầu về toán: có sự hiểu biết về số lượng, kích thước, hình dạng; khả năng định hướng trong không gian; nhận biết thời gian;

* Trường Đại học Tân Trào

+ Khả năng tư duy, suy luận, tưởng tượng, sáng tạo: thể hiện sự tò mò và ham hiểu biết, khả năng suy luận, sáng tạo; thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.

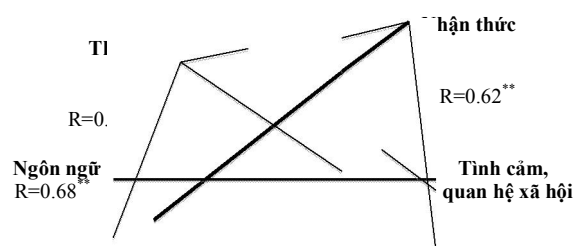
- *Sự phát triển ngôn ngữ*: + Khả năng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp: có thể nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói; nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn; hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng; + Khả năng sử dụng lời nói để giao tiếp: nói rõ ràng, mạch lạc; sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong giao tiếp; + Sự hiểu biết ban đầu về việc đọc, viết: có thể “đọc” theo truyện tranh đã biết; kể chuyện theo tranh; biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân; nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.

- *Sự phát triển tình cảm và quan hệ xã hội*: + Sự thể hiện xúc cảm, tình cảm: có sự nhận thức về bản thân; tin tưởng vào khả năng của bản thân; biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc; + Biểu hiện ở quan hệ xã hội: có mối quan hệ tích cực, sự hợp tác với bạn bè và người lớn; có hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội; biết tôn trọng người khác.

2.2. Mối tương quan giữa các mặt biểu hiện thích ứng

Dựa trên những biểu hiện thích ứng của trẻ 5-6 tuổi, tiến hành điều tra và thông qua số liệu thu được, chúng tôi sử dụng hệ số tương quan nhị biến Pearson R, có kết quả (sơ đồ 1) như sau:

Sơ đồ 1. Tương quan giữa các biểu hiện của sự thích ứng trong những hoạt động chuẩn bị đến trường phổ thông



* Lưu ý: R là hệ số tương quan Pearson, R** khi $p < 0,01$.

Giữa 4 mặt biểu hiện của sự thích ứng với các hoạt động chuẩn bị đến trường phổ thông tồn tại nhiều mối tương quan. Hệ số tương quan Pearson R của chúng có giá trị khác nhau nhưng tất cả đều mang giá trị dương, cho thấy các mối tương quan này mạnh yếu khác nhau và tất cả đều là tương quan thuận. Mỗi mặt biểu hiện có mối tương quan đều với các mặt biểu hiện còn lại. Đặc biệt, các tương

quan đều có ý nghĩa thống kê vì kết quả $P = 0.00$ ở tất cả các mối tương quan.

Trong các mối tương quan này, tương quan “ngôn ngữ” - “nhận thức” với $R = 0.72$ và “ngôn ngữ” - “tình cảm, quan hệ xã hội” với $R = 0.68$ là mạnh nhất. Điều này cho thấy, thực trạng thích ứng với các hoạt động chuẩn bị đến trường phổ thông, ngôn ngữ của trẻ luôn đóng vai trò quan trọng. “Ngôn ngữ có ảnh hưởng tích cực đến nhận thức và tình cảm, quan hệ xã hội của trẻ. Vì ngôn ngữ nói, mà cụ thể là tiếng mẹ đẻ là phương tiện quan trọng nhất để lĩnh hội nền văn hoá dân tộc, để giao lưu với những người xung quanh, để tư duy, để tiếp thu khoa học, để bồi bổ tâm hồn” [1; tr211]. Sự phát triển tích cực về ngôn ngữ như: vốn từ phong phú, nói đúng ngữ pháp, mạch lạc, sử dụng ngữ điệu phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp... sẽ là cơ sở cần thiết để quá trình nhận thức và tình cảm, quan hệ xã hội của trẻ phát triển tích cực. Ngược lại, nếu ngôn ngữ thiếu sự mạch lạc, trẻ khó khăn trong diễn đạt ý muốn, quan điểm của mình thì sẽ làm hạn chế sự phát triển nhận thức và tình cảm, quan hệ xã hội, khó khăn trong việc chuẩn bị học tập ở lớp một. Tuy nhiên, kết quả cũng cho thấy, tương quan giữa “ngôn ngữ” - “thể chất” với $R = 0.51$ dù là tương quan thuận nhưng lại yếu nhất trong tất cả các mối tương quan.

Ngoài mối tương quan mạnh với ngôn ngữ như đã nói ở trên, tình cảm, quan hệ xã hội còn có tương quan thuận với các biểu hiện khác như: tương quan giữa “tình cảm, quan hệ xã hội” - “thể chất” với $R = 0.67$; “tình cảm, quan hệ xã hội” - “nhận thức” với $R = 0.62$, đây là những tương quan khá mạnh. Điều này cho thấy, tình cảm, quan hệ xã hội không những giúp trẻ có thể phát triển ngôn ngữ mà còn là động lực giúp trẻ phát triển thể chất và nâng cao nhận thức. Rõ ràng, nếu trẻ có cảm xúc tích cực, tinh thần thoải mái, các mối quan hệ xã hội thuận lợi sẽ là điều kiện thúc đẩy tất cả các hoạt động của trẻ diễn ra tích cực và đạt hiệu quả.

Nhận thức có các mối tương quan mạnh với ngôn ngữ và tình cảm, quan hệ xã hội thì cũng có mối tương quan với thể chất. Tuy nhiên, tương quan này không cao so với các tương quan trước ($R = 0.53$).

Thực trạng mức độ thích ứng về mặt thể chất của trẻ tuy cao hơn so với các mặt khác (ĐTB: 3.59; ĐLC: 0.37), nhưng thể chất lại có mối tương quan yếu nhất trong các biểu hiện còn lại. Ngoài tương quan khá mạnh với tình cảm, quan hệ xã hội thì mối tương quan “thể chất” - “nhận thức” và “thể chất” - “ngôn ngữ” chỉ đạt $R = 0.53$ và 0.51 .

(Xem tiếp trang 19)

hệ thống TC trong GHT cho trẻ chơi ngày càng khó, ngày càng phức tạp hơn, muốn giải quyết được nhiệm vụ nhận thức tiếp sau, trẻ không thể giải quyết bằng phương thức cũ mà bắt buộc phải tìm phương thức mới để giải quyết; - Dẫn dắt trẻ vào tình huống chơi có vấn đề, hướng sự chú ý của trẻ vào vấn đề vừa xuất hiện, giúp trẻ ý thức được vấn đề hay nhiệm vụ nhận thức trong GHT; - Có thể kích thích trẻ có hứng thú đối với nhiệm vụ nhận thức và mong muốn được giải quyết chúng bằng con đường tạo ra cách tình huống chơi, hoàn cảnh chơi hấp dẫn với những nội dung chơi (nhiệm vụ nhận thức) khác nhau, đưa thêm các dấu hiệu bổ sung, những câu hỏi ngắn gọn... giúp trẻ nhanh chóng tìm ra cách giải quyết nhiệm vụ được giao và kích thích trí tò mò, sự ham hiểu biết của trẻ nhằm thỏa mãn nhu cầu được chơi và nhu cầu nhận thức...; - Không đưa ra cách giải quyết cụ thể, không làm hộ trẻ mà tạo điều kiện cho trẻ tự tìm kiếm phương tiện thực hiện nhiệm vụ, vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã có vào các tình huống mới. GV động viên, khuyến khích trẻ suy nghĩ, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra trong TC; - Quan sát trẻ chơi, nếu thấy trẻ có khó khăn không thể tự giải quyết, GV có thể gợi ý cho trẻ để giải quyết vấn đề. Những lời gợi ý hoặc các câu hỏi định hướng của GV buộc trẻ phải suy nghĩ, lựa chọn phương án thích hợp để giải quyết nhiệm vụ; - Quan sát, theo dõi và khuyến khích, làm sáng tỏ những câu hỏi giúp trẻ tự tìm tòi, dự đoán được những sai sót có thể xảy ra.

* * *

Có nhiều phương pháp khác nhau để phát huy tính tích cực nhận thức cho trẻ như: cho trẻ làm quen với toán, khám phá môi trường xung quanh... Bên cạnh đó, tính tích cực nhận thức của trẻ MG còn được phát triển mạnh mẽ qua việc trẻ tham gia HĐGHT. Trong GHT, trẻ được thả sức chơi các TC học tập, được tự lựa chọn hoạt động, tự mình tìm tòi, giải quyết các nhiệm vụ nhận thức và tự hoàn thành nhiệm vụ nhận thức của mình. Vì vậy, GV mầm non cần nắm được đặc điểm cũng như hiểu được các con đường phát huy tính tích cực nhận thức cho trẻ từ đó có phương pháp GD hiệu quả. □

Tài liệu tham khảo

[1] Đào Thanh Âm (chủ biên) - Trịnh Dân - Nguyễn Thị Hòa - Đinh Văn Vang (2005). *Giáo dục học mầm non* (tập 1, 2, 3). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] Nguyễn Thị Hòa (2010). *Phát huy tính tích cực nhận thức của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi trong trò chơi học tập*. NXB Đại học Sư phạm.

[3] Nguyễn Ánh Tuyết (2009). *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.

[4] Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên) - Lê Thị Kim Anh - Đinh Văn Vang (2009). *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non*. NXB. Đại học Sư phạm.

[5] Nguyễn Quang Uẩn (2010). *Tâm lý học đại cương*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[6] Đinh Văn Vang (2009). *Giáo trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.

Mối tương quan giữa các biểu hiện...

(Tiếp theo trang 11)

3. Tóm lại, qua kết quả nghiên cứu về mối tương quan giữa các biểu hiện thích ứng của trẻ 5-6 tuổi trong những hoạt động chuẩn bị đến trường phổ thông tồn tại những mối tương quan có ý nghĩa. Các tương quan đều là tương quan thuận và rất chặt chẽ với nhau. Trong đó, tương quan mạnh nhất là “ngôn ngữ” - “nhận thức”, tương quan yếu nhất là “ngôn ngữ” - “thể chất”.

Tìm hiểu mối tương quan giữa các biểu hiện thích ứng của trẻ 5-6 tuổi trong những hoạt động chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông là việc làm cần thiết nhằm làm rõ hơn thực trạng mức độ thích ứng của trẻ.

Trên cơ sở phân tích sâu về mối tương quan giữa các biểu hiện thích ứng của trẻ 5-6 tuổi trong những hoạt động chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông, sẽ đưa ra một số biện pháp tác động và kiến nghị nhằm giúp trẻ thích ứng dễ dàng hơn để qua đó giúp giáo viên mầm non, các bậc phụ huynh có cách nhìn nhận đúng đắn hơn về việc chuẩn bị cho trẻ bước vào lớp 1, góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng nguồn lực con người trong tương lai. □

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên) (2014). *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.

[2] Phạm Thị Đức (1991). *Chuẩn bị tâm lý cho trẻ vào lớp 1*. Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số tháng 12.

[3] Dương Thị Diệu Hoa (chủ biên) (2012). *Giáo trình Tâm lý học phát triển*. NXB Đại học Sư phạm.

[4] Nguyễn Ánh Tuyết (1999). *Chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào trường phổ thông*. NXB Giáo dục.